

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18/02/2020

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thời, ông Lê Văn Cư.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 634/2019/TLST-HNGĐ ngày 09/12/2019 về tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Bùi Quý K**, sinh năm 1988.

ĐKHKTT: Khu 5, thị trấn G, huyện M, tỉnh Hải Dương.

Hiện cư trú tại: Số 31 NTD, phường TB, thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Chị **Phạm Thị C**, sinh năm 1989.

ĐKHKTT: Thôn TB, xã Y, huyện M, tỉnh Hải Dương.

Hiện cư trú tại: Số 175 đường 2, phường T, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Anh K, chị C đều vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn anh Bùi Quý K trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Anh và chị Phạm Thị C được tự do tìm hiểu nhau một thời gian thì cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn G, huyện M, tỉnh Hải Dương ngày 18/01/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng không có tiếng nói chung, không tôn trọng nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm

2019 đến nay không ai quan tâm đến ai. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị C. Anh xác định chữ ký, chữ viết trong đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn đề nghị, văn bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án giải quyết giao nộp cho Tòa án là chữ ký, chữ viết của chị C; Vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn đề nghị, văn bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án giải quyết của chị C thể hiện: Về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thống nhất như phần trình bày của anh K. Chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa hợp chung sống cùng nhau được nên đề nghị Tòa án giải cho chị ly hôn anh K. Vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị xin vắng mặt tại phiên tòa.

Lời khai bà Nguyễn Thị T1 (mẹ đẻ anh K) xác định vợ chồng anh K, chị C có mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng, đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2019, vợ chồng mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, nợ chung, không có công sức đóng góp với gia đình bà.

Lời khai ông Phạm Đình T2 và bà Lê Thị M1 (bố mẹ đẻ của chị C) xác định anh K, chị C lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình anh K tại khu 5 thị trấn G và chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn còn nguyên nhân cụ thể do không trực tiếp sống cùng nên ông bà không nắm được. Nay anh, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quan điểm của anh K, chị C. Anh chị không có con chung, tài sản chung, nợ chung và không có công sức đóng góp với gia đình ông, bà.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Bùi Quý K ly hôn chị Phạm Thị C; Về án phí: Anh K phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh K có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương giải quyết vụ án hôn nhân gia đình, hiện chị C đang cư trú tại: Số 175 đường 2, phường T, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh nhưng anh chị đã có văn bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương giải quyết vụ án. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh K, chị C vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh K, chị C là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

Về quan hệ tình cảm vợ chồng: Anh Bùi Quý K và chị Phạm Thị C được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn G, huyện M, tỉnh Hải Dương ngày 18/01/2018. Do vậy quan hệ hôn nhân của anh K, chị C là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Anh K, chị C đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2019 đến nay, mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của anh K, chị C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho anh Bùi Quý K ly hôn chị Phạm Thị C là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

Anh K, chị C không có con chung; không có tài sản chung, nợ chung, không có công sức đóng góp với gia đình hai bên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh K xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Quý K.

- *Về quan hệ vợ chồng:* Xử cho anh Bùi Quý K được ly hôn chị Phạm Thị C.

- *Về án phí:* Anh Bùi Quý K phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh K đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0007317 ngày

04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Anh K đã thực hiện xong án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Bùi Quý K và chị Phạm Thị C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn G, huyện M, tỉnh Hải Dương để lưu hồ tịch;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhan